

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO VỆ THỰC VẬT SÀI GÒN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**

---

*TP. Hồ Chí Minh, tháng 03 năm 2011*

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm 2010 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trương Huy Hoàng Tam Dũng	Chủ tịch
Ông Hà Quốc Cường	Thành viên
Bà Vũ Thị Tuyết Cẩm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh	Thành viên
Ông Phan Văn Sang	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Bà Nguyễn Thị Hồng Ánh	Giám đốc
Ông Yeo Joo Hua	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh nước ngoài
Ông Nguyễn Quốc Dũng	Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh trong nước
Ông Nguyễn Xuân Tiến	Phó Giám đốc phụ trách Đầu tư
Ông Điêu Quang Trung	Kế toán Trưởng

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Hồng Oanh	Trưởng ban
Bà Mai Thị Lệ Khuyên	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Tín	Thành viên

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty cổ phần Bảo Vệ Thực Vật Sài Gòn và các công ty con.

Vốn đầu tư vào Công ty liên doanh được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2010 được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 8 đến trang 29 kèm theo.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY) - Thành viên hãng UHY Quốc tế.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Thị Hồng Ánh

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011



Số: 18<sup>HN</sup>/2011/UHYHCM-BCKT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn  
Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31/12/2010

**Kính gửi:** Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2010 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày 31/12/2010. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 01/03/2011, trình bày từ trang 8 đến trang 29 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bảo vệ Thực vật Sài Gòn tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



*[Handwritten signature]*

*[Handwritten signature]*

**Tô Thị Thanh Nga**  
Phó Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1183/KTV  
*Thay mặt và đại diện cho*

**Phan Thanh Điền**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1496/KTV

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2010 VND	Tại 01/01/2010 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>389.235.614.760</b>	<b>365.029.928.628</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>40.260.475.504</b>	<b>15.321.158.849</b>
Tiền	111	4	40.260.475.504	15.321.158.849
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>160.585.704.093</b>	<b>155.619.533.440</b>
Phải thu khách hàng	131		150.938.070.805	140.576.356.975
Trả trước cho người bán	132		3.958.490.408	3.012.564.811
Các khoản phải thu khác	135	5	8.184.032.147	12.901.999.674
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.494.889.267)	(871.388.020)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>175.035.375.472</b>	<b>187.790.423.078</b>
Hàng tồn kho	141	6	176.958.966.370	189.570.780.306
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.923.590.898)	(1.780.357.228)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>13.354.059.691</b>	<b>6.298.813.261</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.227.565.712	380.597.992
Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.400.842.805	1.548.671.734
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.948.690.035	265.868.440
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	5.776.961.139	4.103.675.095
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>112.630.080.234</b>	<b>106.164.441.195</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>74.358.317.620</b>	<b>86.042.775.611</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	43.986.070.016	50.411.262.346
Nguyên giá	222		108.297.115.360	99.255.927.782
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.311.045.344)	(48.844.665.436)
Tài sản cố định vô hình	227	8	438.335.372	20.417.855.541
Nguyên giá	228		1.123.261.350	22.027.144.525
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(684.925.978)	(1.609.288.984)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	29.933.912.233	15.213.657.724
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>11.326.438.542</b>	<b>18.848.126.542</b>
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	681.408.000	642.096.000
Đầu tư dài hạn khác	258	12	10.645.030.542	18.206.030.542
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.945.324.071</b>	<b>1.273.539.042</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	26.403.133.545	1.198.023.311
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		542.190.526	75.515.731
<b>Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>501.865.694.993</b>	<b>471.194.369.823</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2010	Tại 01/01/2010
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>404.143.842.753</b>	<b>381.287.448.314</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>386.430.056.916</b>	<b>354.215.401.298</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	14	125.323.238.046	93.953.112.484
Phải trả người bán	312		212.161.243.381	199.422.787.814
Người mua trả tiền trước	313		401.904.069	1.897.462.634
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	5.456.447.795	9.626.875.654
Phải trả người lao động	315		3.162.723.252	7.668.845.283
Chi phí phải trả	316	16	2.444.881.522	3.722.933.073
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	40.682.208.814	33.364.898.611
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		(3.202.589.962)	4.558.485.745
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.713.785.837</b>	<b>27.072.047.016</b>
Phải trả dài hạn khác	333	18	9.250.402.000	14.309.064.500
Vay và nợ dài hạn	334	19	8.463.383.837	12.762.982.516
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>97.721.852.239</b>	<b>89.906.921.509</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>97.721.852.239</b>	<b>89.906.921.509</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		81.000.000.000	81.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		591.555.818	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		5.945.984.358	(7.760.242.437)
Quỹ đầu tư phát triển	417		4.204.474.696	3.580.392.566
Quỹ dự phòng tài chính	418		967.343.765	343.261.906
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.012.493.602	12.743.509.474
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>501.865.694.993</b>	<b>471.194.369.823</b>



Nguyễn Thị Hồng Ánh

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

Điêu Quang Trung

Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>784.242.508.012</b>	<b>801.657.438.273</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	22	12.956.088.952	14.680.208.111
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>771.286.419.060</b>	<b>786.977.230.162</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	586.057.336.524	626.436.511.348
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>185.229.082.536</b>	<b>160.540.718.814</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	6.534.310.504	2.160.549.345
Chi phí tài chính	22	25	45.637.287.986	32.981.085.108
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>11.484.459.685</i>	<i>9.698.422.368</i>
Chi phí bán hàng	24	26	106.251.565.685	91.782.792.306
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27	25.037.333.360	23.262.336.403
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>14.837.206.010</b>	<b>14.675.054.342</b>
Thu nhập khác	31	28	5.089.412.171	4.131.211.816
Chi phí khác	32	29	2.074.071.718	976.428.137
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>3.015.340.453</b>	<b>3.154.783.679</b>
Lợi nhuận/lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		-	-
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>30</b>	<b>17.852.546.463</b>	<b>17.829.838.021</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.562.501.187	2.077.843.014
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(466.674.796)	(75.515.731)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>14.756.720.071</b>	<b>15.827.510.738</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	-
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		14.756.720.071	15.827.510.738
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>1.822</b>	<b>1.954</b>



Nguyễn Thị Hồng Ánh  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

Điêu Quang Trung  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		1.181.738.873.747	549.439.812.346
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(689.535.198.896)	(532.609.023.159)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(40.126.711.738)	(32.285.345.197)
Tiền chi trả lãi vay	4		(11.077.842.863)	(8.233.477.767)
Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	5		(5.414.345.031)	(68.459.711)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		8.496.542.558	545.882.153.422
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(442.493.167.287)	(450.179.678.320)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.588.150.491</b>	<b>71.945.981.614</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.811.666.488)	(4.147.365.937)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(646.765.000)	(10.349.678.268)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		7.561.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.286.888.723	439.885.710
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>6.389.457.236</b>	<b>(14.057.158.495)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		682.882.200	4.013.945.671
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		253.727.723.980	184.124.872.468
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(231.797.194.765)	(237.841.169.247)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.751.108.000)	(3.352.345.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>16.862.303.415</b>	<b>(53.054.696.108)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>24.839.911.142</b>	<b>4.834.127.011</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>15.321.158.849</b>	<b>10.689.832.033</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		99.405.514	(202.800.195)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>40.260.475.504</b>	<b>15.321.158.849</b>



Nguyễn Thị Hồng Anh  
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 03 năm 2011

Điêu Quang Trung  
Kế toán trưởng